

BẢNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ MỚI XÃ BỜ Y

ĐỊA ĐIỂM: TỔ DÂN PHỐ 5, XÃ BỜ Y, TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án và Dịch vụ công ích xã Bờ Y)

STT	Mục BT	TÀI SẢN TÊN HỌ	ĐVỊ TÍNH	PHÂN LOẠI		DIỆN TÍCH (KHỐI LƯỢNG)	HỆ SỐ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
				NĂM	PT				
1		Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	1=(A)+(B)+(C)						1.600.909.210
A		Bồi thường về đất				211.058,0			0
1		Đất trồng cây lâu năm (thửa đất số 3, diện tích 48.135,0 m2 và thửa đất số 5, diện tích 159.220,0 m2, thuộc tờ bản đồ địa chính số 188)	m2			207.355,0			Không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1, Điều 101 Luật Đất đai 2024 (Đất thuê trả tiền hàng năm)
2		Đất giao thông (thửa đất số 4, tờ bản đồ địa chính số 188	m2			3.703,0			
B		Bồi thường về cây cối, hoa màu							1.552.413.210
1	II. 42	Cao su bầu đặt hạt (thời kỳ kinh doanh năm thứ 21) (mật độ 800 cây/ha)	Cây			9.831	100%	149.000	1.464.819.000
2	II. 44	Dụng cụ khai thác mủ cao su							
		Kiềng	Cái			9.831	100%	1.650	16.221.150
		Chén sứ	Cái			9.831	100%	2.200	21.628.200
		Máng dẫn mủ	Cái			9.831	100%	220	2.162.820
		Váy che chén	Cái			9.831	100%	1.650	16.221.150
		Mái che mưa	Cái			9.831	100%	3.190	31.360.890
C		Bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc						48.496.000	
1	IV.64e	Hào bảo vệ lô cao su (đào đất rộng 0,6m; sâu 0,4m)	md			1.407,0	100%	28.000	39.396.000
2	IV.59	Đường đất, đá cấp phối dài 35m, rộng 5m (có rãnh và khuôn đường)	m2			175,0	100%	52.000	9.100.000
I		Chi phí bồi thường về đất, cây trồng, công trình nhà, vật kiến trúc							1.600.909.210
II		Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường							32.018.000
III		Tổng chi phí phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (I+II)							1.632.927.210

211.058,0 0

1.552.413.210

48.496.000

211.058,0 0 0 1.552.413.210 48.496.000

đất	hỗ trợ	cây	vật kiến trúc
-----	--------	-----	---------------

1.600.909.210